

Bản án số: 321/2023/DS-ST  
Ngày 20-12-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài  
sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 580/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Tuyết B, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khu Licogi, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ cư trú: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Tấn Đ; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Anh Trần Văn N trình bày:* Trước đây, ông K có thỏa thuận mua thức ăn tôm và tằm bặt trái ao nuôi tôm với bà B, sau mỗi vụ thanh toán tiền cho bà B. Trong quá trình giao dịch, ông K đã nợ bà B các khoản tiền cụ thể sau: Ngày 06/11/2017 nợ 135.455.000đ, ngày 24/4/2018 nợ 60.000.000đ, ngày 20/8/2018 nợ 207.257.000đ, ngày 19/11/2018 nợ 48.048.000đ, ngày 18/01/2019 nợ

168.617.000đ và ngày 20/4/2019 nợ 263.476.000đ. Đến tháng 7 năm 2020 trả được 50.000.000đ, ngày 16/10/2020 nợ tiếp số tiền 128.353.000đ. Tổng số tiền nợ 961.206.000đ.

Tại phiên Tòa, anh N yêu cầu ông K trả cho bà B số tiền 961.206.000đ.

Đối với ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Trương Tấn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo lời trình bày của phía nguyên đơn và giấy nợ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trước đây, bà B có bán thức ăn tôm và tằm bặt trái ao nuôi tôm cho ông K. Theo phía nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ bà B số tiền 961.206.000đ. Đối với ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông K còn nợ bà Buôi số tiền 961.206.000đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Buộc ông K trả số tiền nợ 961.206.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 20.418.000đ được nhận lại. Ông K phải chịu: 36.000.000đ + 4.836.180đ (161.206.000đ x 3%) = 40.836.180đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Tuyết B.

Buộc ông Nguyễn Văn K trả cho bà Trương Tuyết B số tiền 961.206.000đ (chín trăm sáu mươi một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Tuyết B không phải chịu, bà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 20.418.000đ (hai mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000293 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Nguyễn Văn K phải chịu 40.836.180đ (bốn mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trương Tuyết B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn K và ông Trương Tấn Đ quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**